

**ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CHUYÊN ĐỔI MÔN HỌC LỰA CHỌN
MÔN GDKT&PL: KHỐI 11XH**

CHỦ ĐỀ 1:

BÀI 1: CẠNH TRANH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Câu 1: Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

- A. lợi tức. B. tranh giành. C. cạnh tranh. D. đấu tranh.

Câu 3: Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

- A. ganh đua. B. thỏa hiệp. C. thỏa mãn. D. ký kết.

Câu 4: Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

- A. đầu cơ tích trữ nâng giá. B. hủy hoại môi trường.
C. khai thác cạn kiệt tài nguyên. D. giành nguồn nguyên liệu thuận lợi.

Câu 5: Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

- A. Giành ưu thế về khoa học và công nghệ.
B. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công.
C. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.
D. Triệt tiêu mọi lợi nhuận kinh doanh.

Câu 6: Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

- A. giành thị trường có lợi để bán hàng. B. tăng cường độc chiếm thị trường.
C. Làm cho môi trường bị suy thoái. D. Tiếp cận bán hàng trực tuyến.

Câu 7: Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

- A. đầu cơ tích trữ để nâng giá cao. B. nền tảng của sản xuất hàng hoá.
C. tìm kiếm cơ hội đầu tư thuận lợi D. đa dạng hóa các quan hệ kinh tế

Câu 8: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

- A. tìm kiếm các hợp đồng có lợi. B. triệt tiêu lợi nhuận đầu tư.
C. kiểm soát tăng trưởng kinh tế. D. hạ giá thành sản phẩm.

Câu 9: Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

- A. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. B. kích thích sức sản xuất.
C. đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường. D. khai thác tối đa mọi nguồn lực.

Câu 10: Nội dung nào dưới đây thể hiện mục đích của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa?

- A. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. B. Kiểm soát tăng trưởng kinh tế.
C. Thu lợi nhuận cho người kinh doanh. D. Hạn chế sử dụng nhiên liệu.

Câu 11: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành lấy

- A. lao động. B. thị trường. C. lợi nhuận. D. nhiên liệu.

Câu 12: Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

- A. lạm phát. B. thất nghiệp. C. cạnh tranh. D. khủng hoảng.

Câu 13: Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do có sự khác nhau về

- A. điều kiện sản xuất. B. giá trị thặng dư.
C. nguồn gốc nhân thân. D. quan hệ tài sản.

Câu 14: Trong nền kinh tế thị trường, một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do có sự khác nhau về

- A. quan hệ gia đình. B. chính sách đối ngoại.

C. chất lượng sản phẩm.

D. chính sách hậu kiểm.

Câu 15: Người sản xuất, kinh doanh cố giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

A. sản xuất.

B. tăng vốn.

C. đầu tư.

D. canh tranh.

Câu 16: Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá cạnh tranh dùng để gọi tắt cho cụm từ nào sau đây?

A. Cạnh tranh văn hoá.

B. Cạnh tranh kinh tế.

C. Cạnh tranh chính trị.

D. Cạnh tranh sản xuất.

Câu 17: Câu tục ngữ “Thương trường như chiến trường” phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây?

A. Quy luật cung cầu

B. Quy luật giá trị

C. Quy luật lưu thông tiền tệ

D. Quy luật cạnh tranh

Câu 18: Trong nền kinh tế thị trường, nói đến tính chất của cạnh tranh là nói đến việc

A. ganh đua, đấu tranh

B. thu được nhiều lợi nhuận

C. giành giật khách hàng

D. giành quyền lợi về mình

Câu 19: Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh là một trong những

A. nguyên nhân của sự giàu nghèo.

B. nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

C. nguyên nhân của sự ra đời hàng hóa.

D. tính chất của cạnh tranh.

Câu 20: Trong nền kinh tế thị trường, nội dung nào dưới đây là nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

A. Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập.

B. Sự tồn tại của một chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập.

C. Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những chủ thể cạnh tranh.

D. Sự tồn tại một chủ sở hữu với tư cách là đơn vị kinh tế độc lập.

Câu 21: Một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là

A. sự khác nhau xuất thân.

B. chính sách của nhà nước.

C. chi phí sản xuất bằng nhau.

D. điều kiện sản xuất khác nhau.

Câu 22: Người sản xuất, kinh doanh cố giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những

A. nguyên nhân của sự ra đời hàng hóa.

B. tính chất của cạnh tranh.

C. nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

D. nguyên nhân của sự giàu nghèo.

Câu 23: Trong nền kinh tế thị trường, một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là do sự tồn tại của nhiều chủ sở hữu có điều kiện sản xuất và lợi ích

A. bằng nhau.

B. giống nhau.

C. khác nhau.

D. cao bằng.

Câu 24: Trong nền kinh tế thị trường, một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là do mỗi chủ sở hữu có điều kiện

A. bằng nhau.

B. giống nhau.

C. khác nhau.

D. cao bằng.

Câu 26: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

A. hủy hoại môi trường tự nhiên.

B. đầu cơ tích trữ hàng hóa.

C. làm giá thương hiệu.

D. áp dụng kỹ thuật tiên tiến.

Câu 27: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

A. đổi mới quản lý sản xuất.

B. kích thích đầu cơ găm hàng.

C. khai thác cạn kiệt tài nguyên.

D. hủy hoại môi trường.

Câu 28: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

A. đầu tư đổi mới công nghệ.

B. bán hàng giả gây rối thị trường.

C. xả trực tiếp chất thải ra môi trường.

D. hủy hoại tài nguyên thiên nhiên.

Câu 29: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

A. hợp lý hóa sản xuất

B. sử dụng những thủ đoạn phi pháp.

C. tung tin bịa đặt về đối thủ.

D. hủy hoại tài nguyên môi trường.

Câu 30: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. nâng cao năng suất lao động
- B. triệt tiêu động lực sản xuất kinh doanh.
- C. lạm dụng chất cấm.
- D. chạy theo lợi nhuận làm hàng giả

BÀI 2: CUNG CẦU TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Câu 1: Trường hợp nào sau đây được gọi là cung?

- A. Công ty A xây dựng nhà máy sản xuất hàng hóa.
- B. Anh A khảo sát nhu cầu thị trường để sản xuất hàng hóa.
- C. Công ty A ngày mai sẽ sản xuất thêm 1 triệu sản phẩm.
- D. Công ty B thảo kế hoạch sản xuất 1 triệu sản phẩm.

Câu 2: Biểu hiện nào dưới đây **không** phải là cung?

- A. Quần áo được bày bán ở các cửa hàng thời trang
- B. Đồng bằng sông Cửu Long chuẩn bị thu hoạch 10 tấn lúa để xuất khẩu
- C. Công ty sơn H hàng tháng sản xuất được 3 triệu thùng sơn để đưa ra thị trường
- D. Rau sạch được các hộ gia đình trồng để ăn, không bán

Câu 3: Yếu tố nào ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?

- A. Chi phí sản xuất.
- B. Giá cả.
- C. Năng suất lao động.
- D. Nguồn lực.

Câu 4: Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là

- A. cầu.
- B. tổng cầu.
- C. tổng cung.
- D. cung.

Câu 5: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ xác định tương ứng với giá cả và

- A. khả năng xác định.
- B. sản xuất xác định.
- C. nhu cầu xác định.
- D. thu nhập xác định.

Câu 6: Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. cung.
- B. cầu.
- C. lạm phát.
- D. thất nghiệp.

Câu 7: Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cung là

- A. giá cả của hàng hóa đó.
- B. nguồn gốc của hàng hóa.
- C. chất lượng của hàng hóa.
- D. vị thế của hàng hóa đó.

Câu 8: Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Giá cả của hàng hóa đó.
- B. Thu nhập của người tiêu dùng.
- C. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp.
- D. Giá cả của các hàng hóa cùng loại.

Câu 9: Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Kỳ vọng của người sản xuất.
- B. Tâm lý của người tiêu dùng.
- C. Tâm trạng của người mua hàng.
- D. Thị hiếu của người tiêu dùng.

Câu 10: Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên sẽ làm cho cầu về hàng hóa tăng lên từ đó thúc đẩy cung về hàng hóa

- A. giảm xuống.
- B. tăng lên.
- C. giữ nguyên.
- D. không đổi.

Câu 11: Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cung là

- A. giá cả của hàng hóa đó.
- B. nguồn gốc của hàng hóa.
- C. chất lượng của hàng hóa.
- D. vị thế của hàng hóa đó.

Câu 12: Trong nền kinh tế thị trường, nếu giá cả các yếu tố đầu vào của sản xuất như tiền công, giá nguyên vật liệu, tiền thuê đất,... giảm giá thì sẽ tác động như thế nào đến cung hàng hóa?

- A. Cung giảm xuống.
- B. Cung tăng lên.
- C. Cung không đổi.
- D. Cung bằng cầu.

Câu 13: Trong nền kinh tế thị trường, nếu giá cả các yếu tố đầu vào của sản xuất như tiền công, giá nguyên vật liệu, tiền thuê đất,... tăng giá thì sẽ tác động như thế nào đến cung hàng hóa?

- A. Cung giảm xuống.
- B. Cung tăng lên.
- C. Cung không đổi.
- D. Cung bằng cầu.

Câu 14: Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kỹ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

- A.** Cung giảm xuống.
B. Cung tăng lên.
C. Cung không đổi.
D. Cung bằng cầu.

Câu 15: Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kỹ thuật hiện đại thì năng suất lao động tăng và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá giảm từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

- A. Cung giảm xuống.**
C. Cung không đổi.
- B. Cung tăng lên.**
D. Cung bằng cầu.

Câu 16: Trong nền kinh tế thị trường, khi các chủ thể sản xuất dự báo được nhu cầu của người tiêu dùng trong thời gian tới sẽ tăng điều này sẽ tác động tới cung hàng hóa như thế nào?

- A.** Cung giảm xuống. **B.** Cung tăng lên. **C.** Cung không đổi. **D.** Cung bằng cầu.

Câu 17: Trong nền kinh tế thị trường, khi các chủ thể sản xuất dự báo được nhu cầu của người tiêu dùng trong thời gian tới sẽ giảm điều này sẽ tác động tới cung hàng hóa như thế nào?

- A. Cung giảm xuống.
B. Cung tăng lên.
C. Cung không đổi.
D. Cung bằng cầu.

Câu 18: Trong nền kinh tế thị trường, nếu số lượng người cùng sản xuất một loại hàng hoá tăng lên thì cung về loại hàng hoá đó sẽ có xu hướng

- A. tăng.** **B. giảm.** **C. giữ nguyên.** **D. không đổi.**

Câu 19: Trong nền kinh tế thị trường, nếu số lượng người cùng sản xuất một loại hàng hoá giảm xuống thì cung về loại hàng hoá đó sẽ có xu hướng

- A. tăng.** **B. giảm.** **C. giữ nguyên.** **D. không đổi.**

Câu 20: Trong nền kinh tế thị trường, nếu nhà nước có chính sách giảm thuế đối với một mặt hàng nào đó thì sẽ làm cho cung hàng hóa về mặt hàng đó có xu hướng

- A. tăng.** **B. giảm.** **C. giữ nguyên.** **D. không đổi.**

Câu 21: Trong nền kinh tế thị trường, khi giá cả của hàng hoá, dịch vụ nào đó đó trên thị trường có xu hướng tăng lên thì sẽ làm cho cầu về hàng hóa đó có xu hướng

- A. tăng.** **B. giảm.** **C. giữ nguyên.** **D. không đổi.**

Câu 22: Trong nền kinh tế thị trường, khi giá cả của hàng hoá, dịch vụ nào đó đó trên thị trường có xu hướng giảm xuống thì sẽ làm cho cầu về hàng hóa đó có xu hướng

- A. tăng.** **B. giảm.** **C. giữ nguyên.** **D. không đổi.**

Câu 23: Trong nền kinh tế thị trường, khi thu nhập trung bình của người tiêu dùng tăng thì cầu về hàng hoá dịch vụ cũng

- A. không thay đổi.
C. không biến động.
- B. có xu hướng tăng.
D. luôn cân bằng nhau.

Câu 24: Trong nền kinh tế thị trường, khi thu nhập trung bình của người tiêu dùng giảm xuống thì cầu về hàng hoá dịch vụ cũng

- A. không thay đổi.
B. có xu hướng giảm.
C. không biến động.
D. luôn cân bằng nhau.

Câu 25: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi trên thị trường xảy ra hiện tượng cung lớn hơn cầu thì sẽ làm cho giá cả hàng hóa có xu hướng

- A. tăng** **B. giảm** **C. giữ nguyên** **D. bằng giá trị**

Câu 26: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, nhà sản xuất sẽ quyết định thu hẹp sản xuất, kinh doanh khi

- A.** cung giảm. **B.** cầu giảm. **C.** cung tăng. **D.** cầu tăng.

Câu 27: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi giá cả giảm xuống, cầu sẽ có xu hướng

- A. ổn định.** **B. không tăng.** **C. giảm xuống.** **D. tăng lên.**

Câu 28: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi lượng cầu giảm xuống thì sẽ làm cho lượng cung có xu hướng

- A. tăng.** **B. giảm.** **C. giữ nguyên.** **D. cân bằng.**

Câu 29: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, bản chất mối quan hệ cung - cầu phản ánh mối quan hệ tác động qua lại giữa

A. người bán và người bán.

B. người mua và người mua.

C. người sản xuất với người tiêu dùng.

D. người sản xuất và người đầu tư.

Câu 30: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi lượng cầu có xu hướng tăng lên sẽ làm cho lượng cung có xu hướng như thế nào?

A. Lượng cung tăng.

B. Lượng cung giảm.

C. Lượng cung cân bằng.

D. Lượng cung giữ nguyên

Câu 31: Trong nền kinh tế hàng hóa, khi trên thị trường có hiện tượng giá cả tăng thì sẽ tác động đến cung và cầu như thế nào?

A. Cung tăng, cầu giảm.

B. Cung giảm, cầu tăng.

C. Cung và cầu giảm.

D. Cung và cầu tăng.

Câu 32: Trong nền kinh tế hàng hóa, khi cung có xu hướng giảm sẽ làm cho giá cả tăng và cầu

A. giảm.

B. đứng im.

C. tăng.

D. ổn định.

Câu 33: Trong nền kinh tế hàng hóa, nhà sản xuất sẽ quyết định thu hẹp sản xuất, kinh doanh khi

A. cung giảm.

B. cầu tăng.

C. cầu giảm.

D. cung tăng.

Câu 34: Trong nền kinh tế hàng hóa, khi cầu tăng làm cho sản xuất kinh doanh mở rộng khiến cung tăng, trường hợp này biểu hiện nội dung nào dưới đây của quan hệ cung cầu?

A. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu.

B. Cung - cầu độc lập với nhau.

C. Cung - cầu tác động lẫn nhau.

D. Cung - cầu ảnh hưởng tới giá cả thị trường.

Câu 35: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, trường hợp nào dưới đây thì giá cả bằng với giá trị?

A. $Cung > cầu$.

B. $Cung = cầu$.

C. $Cung < cầu$.

D. Cung khác cầu.

Câu 36: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, nội dung nào sau đây **không** biểu hiện mối quan hệ cung - cầu

A. Cung - cầu ảnh hưởng tới giá cả thị trường.

B. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu.

C. Cung - cầu độc lập với nhau.

D. Cung - cầu tác động lẫn nhau.

Câu 37: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi cung lớn hơn cầu hoặc cung nhỏ hơn cầu đều ảnh hưởng

A. đến giá cả thị trường.

B. đến lưu thông hàng hoá.

C. đến quy mô thị trường.

D. tiêu cực đến người tiêu dùng.

Câu 38: Vận dụng quan hệ cung – cầu để lí giải tại sao có tình trạng “cháy vé” trong một buổi ca nhạc có nhiều ca sĩ nổi tiếng biểu diễn?

A. Do $cung < cầu$

B. Do $cung = cầu$

C. Do cung, cầu rối loạn

D. Do $cung > cầu$

Câu 39: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi là người mua hàng trên thị trường, để có lợi, em chọn trường hợp nào sau đây?

A. $Cung = cầu$.

B. $Cung < cầu$.

C. $Cung > cầu$.

D. Cầu tăng.

Câu 40: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi giá cả hàng hóa tăng lên sẽ làm cho cầu có xu hướng

A. ổn định.

B. tăng lên.

C. không tăng.

D. giảm xuống.

CHỦ ĐỀ 2: BÀI 4: THẤT NGHIỆP TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Câu 1: Tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm

A. thất nghiệp.

B. lạm phát.

C. thu nhập.

D. khủng hoảng.

Câu 2: Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

A. vị trí.

B. việc làm.

C. bạn đời.

D. chỗ ở.

Câu 3: Khi người lao động trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức lương thịnh hành khi đó người lao động đó đang

A. trưởng thành.

B. phát triển.

C. thất nghiệp.

D. tự tin.

Câu 4: Trong nền kinh tế, việc phân chia thất nghiệp thành thất nghiệp tự nguyện, thất nghiệp không tự nguyện là căn cứ vào

A. tính chất của thất nghiệp.

C. chu kỳ thất nghiệp.

B. nguồn gốc thất nghiệp.

D. cơ cấu thất nghiệp.

Câu 5: Trong nền kinh tế, căn cứ vào tính chất của thất nghiệp thì thất nghiệp được chia thành thất nghiệp tự nguyện và thất nghiệp

A. tự giác.

B. quyền lực.

C. không tự nguyện.

D. luôn bắt buộc.

Câu 6: Việc phân chia các loại hình thất nghiệp thành thất nghiệp tạm thời, thất nghiệp cơ cấu, thất nghiệp chu kỳ là căn cứ vào

A. tính chất của thất nghiệp.

B. nguồn gốc thất nghiệp.

C. chu kỳ thất nghiệp.

D. nguyên nhân của thất nghiệp.

Câu 7: Trong nền kinh tế, thất nghiệp tự nhiên là hình thức thất nghiệp trong đó bao gồm thất nghiệp tạm thời và thất nghiệp

A. không tạm thời

B. cơ cấu.

C. truyền thống.

D. hiện đại.

Câu 8: Loại hình thất nghiệp được phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống được gọi là

A. thất nghiệp cơ cấu.

B. thất nghiệp tạm thời.

C. thất nghiệp chu kỳ.

D. thất nghiệp tự nguyện.

Câu 9: Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

A. thất nghiệp cơ cấu.

B. thất nghiệp tạm thời.

C. thất nghiệp tự nguyện.

D. thất nghiệp chu kỳ.

Câu 10: Loại hình thất nghiệp gắn với từng giai đoạn trong chu kỳ kinh tế được gọi là

A. thất nghiệp tự nguyện.

B. thất nghiệp cơ cấu.

C. thất nghiệp tự nhiên.

D. thất nghiệp chu kỳ.

Câu 11: Với loại hình thất nghiệp chu kỳ, khi nền kinh tế rơi vào suy thoái thì tỷ lệ thất nghiệp thường có xu hướng

A. cao.

B. thấp.

C. giữ nguyên.

D. cân bằng.

Câu 12: Với loại hình thất nghiệp chu kỳ, khi nền kinh tế phát triển, các ngành sản xuất không ngừng mở rộng thì tỷ lệ thất nghiệp thường có xu hướng

A. cao.

B. thấp.

C. giữ nguyên.

D. cân bằng.

Câu 13: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Do cơ sở kinh doanh đóng cửa.

B. Mất cân đối cung cầu lao động.

C. Bị kỷ luật do vi phạm hợp đồng.

D. Nền kinh tế rơi vào khủng hoảng.

Câu 14: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Cơ chế tinh giảm lao động.

B. Thiếu kỹ năng làm việc.

C. Đơn hàng công ty sụt giảm.

D. Do tái cấu trúc hoạt động.

Câu 15: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Do không hài lòng với công việc được giao.

B. Thuộc đối tượng tinh giảm biên chế của công ty.

C. Công ty bị phá sản phải ngừng hoạt động.

D. Nền kinh tế bị lạm phát và rơi vào khủng hoảng.

Câu 16: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân khách quan khiến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Cơ chế tinh giảm lao động.

B. Thiếu kỹ năng làm việc.

C. Không hài lòng với công việc.

D. Do vi phạm hợp đồng lao động.

Câu 17: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân khách quan khiến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Do khả năng ngoại ngữ kém.

B. Do thiếu kỹ năng làm việc.

C. Do không đáp ứng yêu cầu.

D. Do công ty thu hẹp sản xuất.

Câu 18: Nội dung nào dưới đây không phản ánh nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp của người lao động?

A. Do thiếu kỹ năng làm việc.

C. Do tình giảm biên chế lao động.

B. Do được bổ nhiệm vị trí mới.

D. Do không hài lòng với mức lương.

Câu 19: Đối với người lao động, khi bị thất nghiệp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến yếu tố nào dưới đây?

A. Thu nhập.

B. Địa vị.

C. Thăng tiến.

D. Tuổi thọ.

Câu 20: Đối với người lao động, khi bị thất nghiệp sẽ làm cho đời sống của người lao động

A. có khả năng cải thiện.

B. gặp nhiều khó khăn.

C. được cải thiện đáng kể.

D. ngày càng sung túc.

Câu 21: Đối với các doanh nghiệp, khi tình trạng thất nghiệp tăng cao sẽ làm cho nhiều doanh nghiệp phải

A. đóng cửa sản xuất.

B. mở rộng sản xuất.

C. thúc đẩy sản xuất.

D. đầu tư hiệu quả.

Câu 22: Khi thất nghiệp trong xã hội tăng cao sẽ dẫn đến

A. nhu cầu tiêu dùng giảm.

B. nhu cầu tiêu dùng tăng.

C. lượng cầu càng tăng cao.

D. lượng cung càng tăng cao.

Câu 23: Khi thất nghiệp trong xã hội tăng cao sẽ dẫn đến cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế sẽ

A. tăng.

B. giảm.

C. cải thiện.

D. củng cố

Câu 24: Về mặt xã hội, khi thất nghiệp tăng cao sẽ gián tiếp dẫn đến phát sinh nhiều

A. công ty mới thành lập.

B. tệ nạn xã hội tiêu cực.

C. hiện tượng xã hội tốt.

D. nhiều người thu nhập cao.

Câu 25: Về mặt xã hội, khi thất nghiệp tăng cao sẽ lãng phí

A. tài nguyên thiên nhiên.

B. nguồn lực sản xuất.

C. ngân sách nhà nước.

D. tín dụng thương mại.

CHỦ ĐỀ 8

BÀI 14: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ BẦU CỬ VÀ ỨNG CỬ

Câu 1: Tại thời điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, công dân vi phạm nghĩa vụ bầu cử khi

A. nghiên cứu lí lịch ứng cử viên.

B. kiểm tra niêm phong hòm phiếu.

C. bỏ phiếu thay cử tri vắng mặt.

D. giám sát hoạt động bầu cử.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, tại thời điểm tổ chức bầu cử, cử tri vi phạm nghĩa vụ bầu cử khi

A. công khai nội dung phiếu bầu.

B. bí mật viết phiếu và bỏ phiếu.

C. tìm hiểu thông tin ứng cử viên.

D. theo dõi kết quả bầu cử.

Câu 3: Trường hợp nào dưới đây **không** được thực hiện quyền bầu cử?

A. Người đang đi công tác ở biên giới, hải đảo.

B. Người đang bị nghi ngờ vi phạm pháp luật.

C. Người đang điều trị ở bệnh viện.

D. Người đang thi hành án phạt tù.

Câu 4: Trong quá trình bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, cử tri nhờ người khác bỏ phiếu bầu của mình vào hòm phiếu là vi phạm nội dung nào dưới đây của quyền và nghĩa vụ bầu cử?

A. Quyền.

B. Nghĩa vụ.

C. Tổ cáo.

D. Khiếu nại.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, khi tham gia bầu cử, ứng cử, công dân có nghĩa vụ nào dưới đây?

A. Sao chép nội dung phiếu bầu của người khác.

B. Trao đổi với người khác về nội dung phiếu bầu của mình.

C. Tôn trọng quyền của người khác về bầu cử và ứng cử.

D. Chỉ tham gia bầu cử khi được hưởng lợi ích vật chất.

Câu 6: Theo quy định của luật bầu cử, cử tri đủ điều kiện tham gia bầu cử được quyền ghi tên vào mấy danh sách cử tri ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú?

A. 2.

B. 1.

C. 3.

D. 4.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** được thực hiện quyền bầu cử, ứng cử khi đang

A. hưởng trợ cấp thất nghiệp.

B. điều trị sau phẫu thuật.

C. chuẩn bị được đặc xá.

D. Bị tình nghi là tội phạm.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** được thực hiện quyền bầu cử, ứng cử khi đang

A. thi hành án phạt tù.

B. bị nghi ngờ phạm tội

C. đảm nhiệm chức vụ.

D. đi công tác ở hải đảo.

Câu 9: Hiến pháp quy định công dân Việt Nam đủ bao nhiêu tuổi trở lên có quyền ứng cử?

A. 16.

B. 18.

C. 17.

D. 21.

Câu 10: Trong quá trình bầu cử, nhân viên tổ bầu cử gợi ý bỏ phiếu cho ứng cử viên là vi phạm nội dung nào dưới đây trong thực hiện quyền bầu cử?

A. Nghĩa vụ bầu cử.

B. Trách nhiệm bầu cử.

C. Thông tin bầu cử.

D. Quyền bầu cử.

Câu 11: Công dân **không** được thực hiện quyền bầu cử trong trường hợp đang

A. chấp hành hình phạt tù.

B. điều trị sau phẫu thuật.

C. bị nghi ngờ phạm tội.

D. hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Câu 12: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** được thực hiện quyền bầu cử, ứng cử khi đang

A. đi công tác ở biên giới.

B. điều trị ở bệnh viện.

C. điều trị tại khu cách ly.

D. thi hành án chung thân.

Câu 13: Theo quy định của pháp luật, công dân đủ bao nhiêu tuổi trở lên thì có quyền tham gia bầu cử?

A. 21 tuổi.

B. 17 tuổi.

C. 19 tuổi.

D. 18 tuổi.

Câu 14: Theo quy định của pháp luật, việc làm nào dưới đây **không** vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử, ứng cử ?

A. Nhờ người khác bỏ phiếu.

B. Trực tiếp viết phiếu bầu.

C. Chia sẻ nội dung phiếu bầu.

D. Xuyên tạc nội dung bầu cử.

Câu 15: Theo quy định của pháp luật, tại thời điểm tổ chức bầu cử, cử tri **không** vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử khi

A. độc lập lựa chọn ứng cử viên.

B. công khai nội dung đã viết vào phiếu bầu.

C. tự ý bỏ phiếu thay người khác.

D. ủy quyền thực hiện nghĩa vụ bầu cử.

Câu 16: Một trong những hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử là dẫn đến

A. mất thời gian kiểm đếm.

B. công dân phải nghỉ làm.

C. uy tín của cử tri giảm sút.

D. sai lệch kết quả bầu cử.

Câu 17: Theo quy định của pháp luật, tại thời điểm tổ chức bầu cử, cử tri không thực hiện đúng nghĩa vụ bầu cử ứng cử khi

A. tìm hiểu thông tin ứng cử viên.

B. chứng kiến việc niêm phong hòm phiếu.

C. công khai nội dung đã viết vào phiếu bầu.

D. theo dõi kết quả bầu cử.

Câu 18: Theo quy định của pháp luật, đối tượng nào dưới đây **không** được thực hiện quyền bầu cử, ứng cử?

A. Người đang đảm nhiệm chức vụ.

B. Người mất năng lực hành vi dân sự.

C. Người đang điều trị tại bệnh viện.

D. Người đang đi công tác xa.

Câu 19: Theo quy định của pháp luật, tại thời điểm tổ chức bầu cử, cử tri **không** vi phạm nghĩa vụ bầu cử khi

A. công khai nội dung phiếu bầu.

B. công khai thời gian bỏ phiếu

C. Bỏ phiếu thay cử tri vắng mặt.

D. tự ý bỏ phiếu thay người khác.

Câu 20: Theo quy định của pháp luật, tại thời điểm tổ chức bầu cử, cử tri **không** vi phạm nghĩa vụ bầu cử ứng cử khi

A. đồng loạt sao chép phiếu bầu.

B. ủy quyền thực hiện nghĩa vụ bầu cử.

C. công khai nội dung đã viết vào phiếu bầu.

D. độc lập lựa chọn ứng cử viên.

Câu 21: Khi thực hiện quyền bầu cử, công dân được quyền

A. xuyên tạc kết quả bầu cử.

B. tiếp cận các thông tin về bầu cử.

C. lôi kéo, mua chuộc cử tri.

D. gian lận thông tin lý lịch cử tri.

Câu 22: Một trong những hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử là dẫn đến

- A. giảm lòng tin của nhân dân.
- B. giảm thời gian nghỉ ngơi.
- C. sai dự toán kinh phí.
- D. sai lệch cơ cấu đại biểu.

Câu 23: Theo quy định của pháp luật, việc làm nào dưới đây **không** vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử, ứng cử ?

- A. Gian lận kết quả bầu cử.
- B. Chia sẻ lý lịch ứng cử viên.
- C. Chia sẻ hình ảnh phiếu bầu.
- D. Công khai nội dung bỏ phiếu.

Câu 24: Trong quá trình bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, cử tri được độc lập lựa chọn người trong danh sách ứng cử viên là thực hiện đúng nội dung nào dưới đây của quyền và nghĩa vụ bầu cử?

- A. Nghĩa vụ.
- B. Quyền và nghĩa vụ.
- C. Quyền.
- D. Quyền và trách nhiệm.

Câu 25: Vào ngày bầu cử, gia đình V có việc phải đi ăn cỗ ở xa. V đã sang nhờ R – hàng xóm đi bỏ phiếu giúp cả nhà. Hành vi này đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về

- A. khiếu nại.
- B. bầu cử.
- C. ứng cử.
- D. tố cáo.

Câu 26: Theo quy định của pháp luật, tại thời điểm tổ chức bầu cử, cử tri vi phạm nguyên tắc bầu cử khi

- A. theo dõi kết quả bầu cử.
- B. công khai nội dung đã viết vào phiếu bầu.
- C. chứng kiến việc niêm phong hòm phiếu.
- D. tìm hiểu thông tin ứng cử viên.

Câu 27: Trong quá trình bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, việc cử tri nhờ người khác bỏ phiếu thay mình là vi phạm nội dung nào dưới đây về bầu cử?

- A. Quyền.
- B. Nghĩa vụ.
- C. Tố cáo.
- D. Khiếu nại.

Câu 28: Cử tri không thực hiện đúng nghĩa vụ bầu cử ứng cử khi thực hiện hành vi nào dưới đây ?

- A. Ủy quyền tham gia bầu cử.
- B. Tìm hiểu danh sách đại biểu.
- C. Chứng kiến niêm phong hòm phiếu.
- D. Nghiên cứu tiểu sử ứng cử viên.

Câu 29: Theo quy định của pháp luật, công dân được thực hiện quyền bầu cử trong trường hợp đang

- A. bị tước quyền công dân.
- B. công tác ngoài hải đảo.
- C. chấp hành hình phạt tù.
- D. mất năng lực hành vi dân sự.

Câu 30: Theo quy định của pháp luật, tại thời điểm tổ chức bầu cử, cử tri **không** vi phạm nghĩa vụ bầu cử khi

- A. đồng loạt sao chép phiếu bầu.
- B. ủy quyền tham gia bầu cử.
- C. độc lập lựa chọn ứng cử viên.
- D. ủy quyền thực hiện nghĩa vụ bầu cử.

Câu 31: Theo quy định của pháp luật, hành vi nào dưới đây **không** vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử?

- A. Chia sẻ lý lịch ứng cử viên.
- B. Chia sẻ nội dung phiếu bầu.
- C. Mua chuộc phiếu bầu cho mình.
- D. Bỏ phiếu thay người khác.

Câu 32: Trong ngày đi bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Bố mẹ N bận nên cho N, đang là học sinh lớp 11 đi bỏ phiếu hộ. Đến nơi em còn được ông X tổ trưởng bầu cử phố K hướng dẫn bỏ cho ai và gạch tên ai. Những ai dưới đây chưa thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân về bầu cử?

- A. Bố mẹ N, N, ông X.
- B. Bố mẹ N và N.
- C. Ông X, Bố mẹ N.
- D. Ông X và N.

Câu 33: Vào ngày bầu cử, anh A có việc bận nên nhờ con trai là S đi bỏ phiếu thay mình. Tới nơi bầu cử, S gặp X là bạn học cũng đang đi bỏ phiếu cho mẹ. Những ai vi phạm nội dung quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử?

- A. Anh A, anh K và mẹ X.
- B. Anh A, mẹ X, S và X.
- C. Anh A, anh K.
- D. Anh A và S.

Câu 34: Tại một điểm bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, ông H bàn bạc với chị N và thống nhất cùng viết phiếu bầu với nội dung giống nhau. Phát hiện sự việc, với sự chứng kiến của ông M, anh T đề

ngợi chị N cần chủ động bầu theo ý của mình. Tuy nhiên, chị N vẫn bỏ phiếu của chị và của ông H vào hòm phiếu rồi ra về. Những ai dưới đây chưa thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân về bầu cử?

- A. Chị N và ông H.
- B. Chị N, ông H và ông M.
- C. Chị N và ông M.
- D. Chị N, ông H và anh T.

Câu 35: Anh M đang viết phiếu bầu cử Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp của mình và vợ thì chị N là người trong tổ bầu cử đến hướng dẫn anh M nên gạch tên người này, để lại người kia nhưng anh M không làm theo. Chị G đã quay được clip đó và yêu cầu chị N phải đưa cho 10 triệu đồng nếu không sẽ công khai lên mạng. Lo sợ, chị N đã nhờ anh K không chế chị G, buộc chị phải xóa clip đó. Những ai dưới đây chưa thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân về bầu cử?

- A. Anh M, chị G và chị N.
- B. Anh K và anh M.
- C. Vợ chồng anh M và chị N.
- D. Anh K, chị N và G.

BÀI 15: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Câu 1: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền khiếu nại trong trường hợp nào sau đây?

- A. Bị hạ bậc lương không rõ lí do.
- B. bí mật theo dõi nghi can.
- C. Chứng kiến việc vận chuyển ma túy.
- D. Phải kê khai tài sản cá nhân.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền khiếu nại, người khiếu nại **không** được thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Xuyên tạc nội dung giải quyết.
- B. Khởi kiện vụ án hành chính.
- C. Tiếp tục khiếu nại lần thứ hai.
- D. Ủy quyền luật sư giải quyết.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền khiếu nại, người khiếu nại phải có trách nhiệm

- A. trình bày không trung thực sự việc.
- B. trình bày trung thực sự việc.
- C. phản bác mọi quan điểm trái chiều.
- D. từ chối mọi quyết định giải quyết.

Câu 4: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền khiếu nại, người khiếu nại phải có trách nhiệm khiếu nại đúng người

- A. có quan hệ rộng.
- B. có tài chính mạnh.
- C. có quyền lực.
- D. có thẩm quyền.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền khiếu nại trong trường hợp nào sau đây?

- A. Phát hiện tù nhân trốn trại.
- B. Chứng kiến bắt cóc con tin.
- C. Nhân quyết định kỉ luật chưa thỏa đáng.
- D. Bị phân tử khủng bố đe dọa tính mạng.

Câu 6: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tố cáo, người khiếu nại có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho người giải quyết khiếu nại và phải chịu trách nhiệm về

- A. nội dung thông tin cung cấp.
- B. quy trình giải quyết khiếu nại.
- C. mọi quyết định đã ban hành.
- D. chi phí tiếp nhận thông tin.

Câu 7: Theo quy định của pháp luật, trong quá trình thực hiện khiếu nại, mọi công dân đều có quyền

- A. thuê côn đồ sử dụng bạo lực.
- B. nhờ xã hội đen giải quyết trước.
- C. nhờ luật sư tư vấn pháp lý.
- D. sử dụng bạo lực để uy hiếp.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, nếu có căn cứ khẳng định việc tố cáo là đúng, góp phần bảo vệ lợi ích của cá nhân, tổ chức, thì cơ quan có thẩm quyền có thể đề nghị biện pháp nào dưới đây đối với người tố cáo?

- A. Xử phạt hành chính.
- B. Đề xuất giám hộ.
- C. Thi hành kỷ luật.
- D. Đề xuất khen thưởng.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền tố cáo trong trường hợp nào sau đây?

- A. Bị buộc thôi việc không rõ lí do.
- B. xây dựng xã hội học tập.
- C. bị cắt giảm tiền lương trái quy định.
- D. Phát hiện kẻ gian đột nhập vào nhà.

Câu 10: Theo quy định của pháp luật, trong thời gian khiếu nại, người khiếu nại có trách nhiệm gì dưới đây?

- A. Từ bỏ mọi quan hệ nhân thân.
- B. Không chấp hành quyết định mình khiếu nại
- C. Chấp hành quyết định mà mình khiếu nại.
- D. Tạm dừng mọi công việc cá nhân.

Câu 11: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền khiếu nại trong trường hợp nào sau đây?

- A. kích động biểu tình trái phép.
- B. Phát hiện đường dây cá độ bóng đá.
- C. Phát hiện cơ sở sản xuất tiền giả.
- D. Đuổi việc không có lý do

Câu 12: Khi thực hiện quyền khiếu nại của mình, người khiếu nại không có nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Khiếu nại đúng người có thẩm quyền.
- B. Cung cấp thông tin có người giải quyết.
- C. Chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.
- D. Phải bảo vệ mọi nguồn thu nhập cá nhân.

Câu 13: Theo quy định của pháp luật, trong quá trình thực hiện quyền khiếu nại, công dân nếu có đầy đủ năng lực trách nhiệm pháp lý có thể

- A. làm sai lệch nội dung khiếu nại.
- B. tự mình thực hiện khiếu nại.
- C. tự mình giải quyết tố cáo.
- D. tự mình giải quyết khiếu nại.

Câu 14: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tố cáo, người tố cáo phải có trách nhiệm

- A. trình bày trung thực nội dung tố cáo.
- B. trình bày không trung thực sự việc.
- C. từ chối mọi quyết định giải quyết.
- D. phản bác mọi quan điểm trái chiều.

Câu 15: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền tố cáo trong trường hợp nào sau đây?

- A. kế hoạch giao kết hợp đồng lao động.
- B. Nhận quyết định điều chuyển công tác.
- C. phát hiện tội phạm truy nã.
- D. vận động tranh cử.

Câu 16: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền tố cáo trong trường hợp nào sau đây?

- A. Phát hiện đường dây sản xuất vacxin giả.
- B. Nhận tiền công khác với thỏa thuận.
- C. Nhận tiền bồi thường chưa thỏa đáng.
- D. Phải kê khai tài khoản cá nhân.

Câu 17: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tố cáo, người tố cáo có trách nhiệm

- A. đảm bảo tài chính vững mạnh.
- B. cung cấp đầy đủ thông tin.
- C. chứng minh quan hệ nhân thân.
- D. hoàn thiện hồ sơ tín dụng.

Câu 18: Theo quy định của pháp luật, cơ quan chức năng có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Bị đe dọa đến tính mạng.
- B. Được đặc cách thăng cấp.
- C. Được ký kết hợp đồng.
- D. Bị xử phạt hành chính.

Câu 19: Theo quy định của pháp luật, trong trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu mà không thể tự mình khiếu nại được thì có quyền ủy quyền cho những người khác

- A. có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- B. là người giải quyết khiếu nại.
- C. là người bị mình khiếu nại.
- D. dùng vũ lực để giải quyết khiếu nại.

Câu 20: Theo quy định của pháp luật, trong trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu mà không thể tự mình khiếu nại được thì có quyền

- A. đặc cách giải quyết luôn.
- B. khiếu nại vượt cấp.

C. ủy quyền cho người khác.

D. khởi kiện ra Tòa án.

Câu 21: Theo quy định của pháp luật, trong quá trình thực hiện quyền khiếu nại, nếu công dân là người chưa thành niên thì có quyền đề nghị chủ thể nào dưới đây thực hiện quyền khiếu nại thay mình?

A. Đối tượng bị khiếu nại.

B. Người đại diện theo pháp luật.

C. Người bị khiếu nại làm thay.

D. Bạn bè cùng tuổi với mình.

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền tố cáo trong trường hợp nào sau đây?

A. Phát hiện đường dây cá độ bóng đá.

B. Giám sát việc giải quyết khiếu nại.

C. Bị giao thêm việc ngoài thỏa thuận.

D. Đăng ký hiến máu nhân

Câu 23: Theo quy định của pháp luật, trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu có yêu cầu của người khiếu nại, người giải quyết khiếu nại phải có trách nhiệm cung cấp nội dung nào dưới đây?

A. Đảm bảo an ninh cho người bị khiếu nại.

B. Tài liệu, chứng cứ giải quyết khiếu nại.

C. Các danh mục tài liệu bí mật nhà nước.

D. Tài chính để hỗ trợ người bị khiếu nại.

Câu 24: Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện quyền tố cáo, người tố cáo phải có trách nhiệm tố cáo đúng người

A. có quyền lực.

B. có quan hệ rộng.

C. có tài chính mạnh.

D. có thẩm quyền.

Câu 25: Theo quy định của pháp luật, khi tiếp nhận đơn tố cáo đúng pháp luật của công dân, người giải quyết tố cáo **không** được thực hiện hành vi nào dưới đây đối với người tố cáo?

A. Kết luận nội dung tố cáo.

B. Chia sẻ thông tin người tố cáo.

C. Ban hành kết luận giải quyết.

D. Đình chỉ giải quyết tố cáo.

CHỦ ĐỀ 9

BÀI 17: PHẦN 1

Câu 1: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi

A. điều tra hiện trường gây án

B. giám giữ người tố cáo.

C. bảo mật thông tin quốc gia.

D. truy tìm đối tượng phản động.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người khác khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

A. Giải cứu nạn nhân.

B. Điều tra tội phạm.

C. Theo dõi nghi phạm.

D. Không chế con tin.

Câu 3: Bất người trái pháp luật là xâm phạm đến quyền nào sau đây của công dân?

A. bắt người hợp pháp của công dân.

B. bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.

D. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 4: Giám giữ người quá thời hạn qui định là vi phạm quyền nào của công dân ?

A. Bất khả xâm phạm về thân thể.

B. Pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm.

C. Bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

D. Pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe.

Câu 5: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi

A. đánh người gây thương tích.

B. đã tham gia giải cứu nạn nhân.

C. bắt người theo quyết định của Tòa án.

D. giám giữ người trái pháp luật.

Câu 6: Theo quy định của pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi bắt giữ người đang

A. thực hiện hành vi phạm tội.

B. giám hộ trẻ em khuyết tật.

C. bảo trợ trẻ em khuyết tật.

D. truy tìm tù nhân vượt ngục.

Câu 7: Pháp luật quy định không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp

- A. đã có chứng cứ rõ ràng, đầy đủ.
- B. gây khó khăn cho việc điều tra.
- C. phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.
- D. cần ngăn chặn ngay người phạm tội bỏ trốn.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, hành vi nào dưới đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

- A. Theo dõi nạn nhân.
- B. Không chế tội phạm.
- C. Bắt cóc con tin.
- D. Đe dọa giết người.

Câu 9: Theo quy định của pháp luật, việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp được tiến hành khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện

- A. cách ly y tế theo quy định
- B. hủy hồ sơ tham gia đấu thầu
- C. kế hoạch phản biện xã hội
- D. tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

Câu 10: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi

- A. Theo dõi nhân chứng
- B. Giam, giữ người trái pháp luật
- C. theo dõi tội phạm nguy hiểm
- D. bảo trợ người già neo đơn.

Câu 11: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi

- A. theo dõi phạm nhân vượt ngục.
- B. giám hộ trẻ vị thành niên
- C. Truy đuổi kẻ gian
- D. giam giữ con tin.

Câu 12: Theo quy định của pháp luật, công dân **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi bắt người

- A. đang thực hiện hành vi phạm tội.
- B. đã chứng thực di chúc thừa kế.
- C. đã tham gia giải cứu nạn nhân.
- D. đang tìm hiểu hoạt động tín ngưỡng.

Câu 13: Theo quy định của pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi bắt giữ người đang

- A. Không chế và bắt giữ con tin.
- B. thực hiện hành vi giết người.
- C. Không chế và bắt giữ tên trộm.
- D. thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng.

Câu 14: Cơ quan chức năng vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân khi tạm giữ người đang thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Sản xuất tiền giả.
- B. Tổ chức khủng bố.
- C. Tham gia bạo loạn.
- D. Theo dõi phiên tòa.

Câu 15: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người khác trong trường hợp tiến hành việc bắt giữ một người nào đó đang

- A. cướp giật tài sản.
- B. truy lùng tội phạm.
- C. phạm tội quả tang.
- D. không chế con tin.

Câu 16: Quyền nào dưới đây là quan trọng nhất đối với mỗi công dân?

- A. Được pháp luật bảo hộ về sức khỏe.
- B. Bí mật thư tín.
- C. Tự do ngôn luận.
- D. Bất khả xâm phạm về thân thể.

Câu 17: Theo quy định của pháp luật, công dân vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Giam giữ nhân chứng.
- B. Truy tìm tội phạm.
- C. Đầu độc tù nhân.
- D. Theo dõi bị can.

Câu 18: Anh A vay tiền của B. Đến hạn trả mà A vẫn không trả. B nhờ người bắt nột A để gia đình A đem tiền trả nợ thì mới thả. Hành vi này của B xâm phạm tới

- A. quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
- B. quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe.
- C. quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.
- D. quyền tự do ngôn luận.

Câu 19: Công dân **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi bắt người đang thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Cướp giạt tài sản.

B. Thu thập vật chứng.

C. Điều tra vụ án.

D. Theo dõi nghi phạm.

Câu 20: Hành vi bắt, giam giữ người trái pháp luật là xâm phạm đến quyền nào dưới đây của công dân?

A. Được đảm bảo về tính mạng.

B. Tự do đi lại và lao động.

C. Bất khả xâm phạm về thân thể.

D. Pháp luật bảo hộ về sức khỏe.

Câu 21: Theo quy định của pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền **không** vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể khi bắt giữ người đang

A. tìm hiểu hoạt động tín ngưỡng.

B. bị truy nã toàn quốc.

C. kiểm tra hóa đơn dịch vụ.

D. kiểm soát truyền thông

Câu 22: Nghi ngờ ông X lấy cắp chiếc máy tính xách tay của mình, ông K đã báo với ông Y trưởng công an xã. Ông Y ngay lập tức ra lệnh cho P và Q đến nhà mời ông X về cơ quan. Ông X không chịu đi nên bị P và Q bắt trói đem về cơ quan. Những ai dưới đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

A. Ông Y và Q.

B. Ông Y, P và Q.

C. P và Q.

D. Ông K và Q.

Câu 23: Ông V làm giám đốc công ty Z, trong quá trình lãnh đạo đã gây thất thoát hàng chục tỷ đồng của Nhà nước, để trốn tránh trách nhiệm ông V chỉ đạo chị T kế toán công ty tiêu hủy các hồ sơ, chứng từ có liên quan. Biết chuyện anh X là nhân viên đã tố cáo ông V. Thấy vậy, anh Q con ông V đã thuê anh S bắt con anh X để khống chế anh phải rút đơn tố cáo, đồng thời thuê anh M đưa ông V trốn đi nước ngoài. Những ai dưới đây có hành vi xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

A. Ông V, chị T và anh X.

B. Ông V, chị T và anh Q.

C. Anh S, ông V và anh M.

D. Anh S và anh Q.

Câu 24: Phát hiện chiếc xe đạp của mình bị mất cách đây 2 ngày trong sân nhà bà H, bà M cùng cháu gái của mình là Q xông vào nhà bà H để lấy về. Thấy bà M và Q tự vào nhà mình, bà H đã lớn tiếng mắng chửi rồi cùng con trai của mình là S khống chế bắt giữ Q nhốt vào nhà kho. Trong lúc giằng co, anh S vô tình đẩy bà M ngã bị gãy chân. Biết chuyện, chồng bà M là ông X đã sang nhà bà H đập phá đồ đạc, giải cứu cháu Q rồi đưa vợ đi cấp cứu. Những ai sau đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

A. Ông X, bà H và anh S.

B. Bà H, ông X và bà M.

C. Anh S và bà H.

D. Anh S và ông X.

Câu 25: Anh B vào nhà ông C lấy trộm máy vi tính bị anh C cùng anh H và anh M bắt quả tang. Thấy vậy, anh E là một trong những người đến xem sự việc bảo đem anh B vào nhốt ở nhà kho của hợp tác xã. Nghe lời anh E, H và M đem nhốt anh B vào kho. Chẳng may đến sáng hôm sau, anh B vì lạnh và đói ngất đi, phải đưa vào bệnh viện cấp cứu. Những ai dưới đây đã xâm phạm quyền được pháp luật bảo hộ về thân thể của công dân?

A. Anh E và anh M

B. Ông C, anh H, anh M

C. Anh M và anh H

D. Anh H, anh E, anh M

Câu 26: Vì thường xuyên bị anh P đánh đập, chị M là vợ anh P đã bỏ đi khỏi nhà. Tình cờ gặp chị M trong chuyến công tác, anh H là em rể anh P đã ép chị M theo mình về hạt kiểm lâm gần đó, kể lại toàn bộ sự việc với anh T là Hạt trưởng và được anh T đồng ý giữ chị M tại trụ sở cơ quan chờ anh H quay lại đón. Tuy nhiên, chị M đã được anh Q là một người dân trong vùng giải thoát sau hai ngày bị giam giữ. Những ai dưới đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

A. Anh H, anh T và anh P.

B. Anh H và anh T.

C. Anh H và anh P.

D. Anh H, anh T và anh Q.

Câu 27: Nghi ngờ chị M ngoại tình với chồng mình, chị H thuê K chặn đường bắt chị nhốt tại nhà kho của mình để xét hỏi. Tình cờ trở về nhà tại thời điểm đó, chồng chị H khuyên can vợ dừng lại và đưa bằng

chứng chứng minh sự trong sạch của mình nhưng chị H vẫn tiếp tục xét hỏi. Những ai trong trường hợp trên vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

- A. Chị H và K. B. Chị H và chồng. C. K, chị H và chồng D. Chị M, H và K.

Câu 28: Anh K nghi ngờ gia đình ông B tàng trữ ma túy nên đã báo với công an xã X. Do vội đi công tác, anh T phó công an xã yêu cầu anh S công an viên và anh C trưởng thôn đến khám xét nhà ông B. Vì cố tình ngăn cản, ông B bị anh S và anh C cùng khống chế rồi giải ông về giam giữ tại trụ sở công an xã. Hai ngày sau, khi anh T trở về thì ông B mới được trả lại tự do. Những ai dưới đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

- A. Anh C, anh T và anh S. B. Anh T và anh S.
C. Anh T, anh S và anh K. D. Anh S và anh C.

Câu 29: Giám đốc một công ty tổ chức sự kiện là anh M yêu cầu nhân viên là anh S khống chế và giữ khách hàng là anh Q tại nhà kho do anh Q có hành vi gây rối. Sau hai ngày tìm kiếm, vợ anh Q là chị T phát hiện anh bị giam ở công ty này nên nhờ anh B đến giải cứu chồng. Vì anh S không đồng ý thả anh Q nên anh B đã đánh khiến anh S bị gãy tay. Những ai sau đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân'?

- A. Anh M và anh S. B. B. Anh M, anh S và chị T.
C. Anh M, chị T và anh B. D. Anh S và anh

Câu 30: D cùng các bạn đá bóng, không may quả bóng bay vào sân nhà anh M làm vỡ bể cá cảnh. Tức giận, anh M đuổi đánh cả nhóm, do chạy chậm nên D bị anh M bắt giữ và giam trong nhà kho của anh hai ngày. Anh M đã vi phạm quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Được pháp luật bảo hộ về quan điểm. B. Bất khả xâm phạm về chỗ ở.
C. Bất khả xâm phạm về thân thể, D. Được pháp luật bảo hộ về tài sản.

HẾT